

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 30



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

#### 1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản Thừa Thiên Huế được thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế từ ngày 18/11/2019. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300100963 ngày 28 tháng 11 năm 2005. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 04 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/11/2019.

Vốn điều lệ: 113.386.480.000 đồng

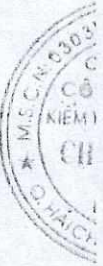
Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2020: 113.386.480.000 đồng

#### 2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Điện thoại : 0234 3523695
- Fax : 0234 3527926
- Email : [humexco@dng.vn](mailto:humexco@dng.vn)

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác quặng Titan (ilmenite, zircon, monazite, rutile); khai thác các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp;
- Chế biến quặng Titan (ilmenite, zircon, monazite, rutile, xỉ titan); chế biến phụ gia cho vật liệu công nghiệp;
- Khai thác quặng sắt;
- Chế biến sắt, sắt hợp kim;
- Bán buôn quặng Titan (ilmenite, zircon, monazite, rutile, xỉ titan); bán buôn sắt thép, sắt hợp kim;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Cắt tạo đá và hoàn thiện đá;
- Bán buôn các loại đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn thiết bị vật tư sản xuất công nghiệp;
- Bán buôn hàng tiêu dùng cho gia đình;
- Thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò; dịch vụ phân tích và thử nghiệm (VILAS 286);



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**Báo cáo của Hội đồng quản trị**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

- Bán buôn các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp.

**4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**4.1 Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lương Vĩnh Thái	Chủ tịch	26/10/2019
Ông Võ Quang Thiện	Thành viên	26/10/2019
Ông Võ Quang Diệu	Thành viên	26/10/2019

**4.2. Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phùng Hương Giang	Trưởng ban	26/10/2019
Ông Võ Trọng Anh Kiệt	Thành viên	26/10/2019
Bà Lê Thị Bích Trâm	Thành viên	26/10/2019

**4.3. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Võ Quang Thiện	Giám đốc	19/11/2019
Ông Võ Quang Diệu	Phó Giám đốc	19/11/2019
Bà Lê Thị Thu Hiền	Phó Giám đốc	19/11/2019
Bà Trần Thị Phương Dung	Kế toán trưởng	19/11/2019

**5. Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lương Vĩnh Thái	Chủ tịch HĐQT

**6. Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Thừa Thiên Huế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 30.

**7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

### 8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

### 9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



**LƯƠNG VĨNH THÁI**

Chủ tịch HĐQT

Thừa Thiên Huế, ngày 29 tháng 03 năm 2021



Số: 22/2021/BCKT/AUD-DNVVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2021, từ trang 08 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

1. Như đã nêu tại điểm (\*), mục V.4a, Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm Công ty bị truy thu thuế tài nguyên và phạt chậm nộp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2017 (Giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước) tổng số tiền 7.500.657.491 đồng theo Quyết định số 7605/QĐ-CT ngày 22/12/2020 của Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty đã nộp đủ số tiền này vào Kho bạc Nhà nước nhưng do chưa thống nhất với phương pháp tính thuế của đoàn kiểm tra cũng như đây là chi phí của giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước nên Công ty không phản ánh vào chi phí của kỳ kế toán tương ứng mà đang theo dõi ở mục "Phải thu ngắn hạn khác" trên Báo cáo tài chính. Tính đúng đắn của vấn đề này và Công ty sẽ điều chỉnh tùy thuộc vào quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tùy thuộc vào quyết toán vốn giai đoạn Nhà nước và xử lý theo quy định.
2. Như trình bày tại mục V.10, Thuyết minh báo cáo tài chính, Chi phí cấp quyền khai thác mỏ đá Ba Trại Hương Bình năm 2018-2019 số tiền là 956.149.349 đồng Công ty không kết chuyển vào kết quả kinh doanh các kỳ trước mà đang theo dõi trên khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" và phân bổ vào chi phí năm 2020 số tiền: 136.592.764 đồng là chưa đúng kỳ kế toán. Theo đó, nếu phản ánh đúng quy định thì chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán sẽ giảm đi tương ứng, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 sẽ là lãi 362.324.045 đồng thay vì lãi 244.854.268 đồng như báo cáo tài chính đính kèm đồng thời số liệu của các chỉ tiêu liên quan khác cũng sẽ thay đổi tương ứng.
3. Như đã nêu tại điểm (\*), mục V.14, Thuyết minh báo cáo tài chính, tại thời điểm 31/12/2020, Công ty còn nợ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp. Hiện nay, do chưa có thông báo về việc thu hồi nợ gốc và lãi nên Công ty chưa phản ánh số tiền lãi chậm trả vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Theo đó, số dư phải trả và chi phí hoạt động Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp có thể thay đổi khi có văn bản thu hồi nợ gốc và lãi suất chính thức của Nhà nước.
4. Như đã nêu tại Mục I.5, Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 18/11/2019. Đến nay, Công ty chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán vốn giai đoạn Nhà nước để chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo quy định. Vì vậy số liệu trên Báo cáo tài chính các năm có thể thay đổi khi có Quyết định phê duyệt chính thức của Cơ quan Nhà nước.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Thừa Thiên Huế tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

1. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ về các vấn đề nêu ở mục 2 và mục 3 như trên được thể hiện tại Báo cáo kiểm toán số 106/2020/BCKT-TC-AVN ngày 16/06/2020. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ này vẫn còn ảnh hưởng đến số liệu của Báo cáo tài chính năm nay.
2. Như đã nêu tại mục số VII.2, Thuyết minh báo cáo tài chính, số liệu kỳ trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ kế toán từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019, chỉ có tính chất tham khảo, không thể so sánh được vì có sự khác biệt về thời gian so sánh.

TP. Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- **VIETVALUES**



**Trần Xuân Thạnh - P.Giám đốc Chi nhánh**

Giấy CNDKHN số: 1650-2018-071-1

Chữ ký được ủy quyền

**Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên**

Giấy CNDKHN số: 3402-2020-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUỆ

Địa chỉ: 53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐIT VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm (ngày 31/12/2020)	Số đầu năm (ngày 01/01/2020)
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		97.946.042.330	109.961.619.317
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	12.880.007.787	25.540.582.998
111	1. Tiền		12.880.007.787	25.540.582.998
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		8.226.891.337	1.178.388.708
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	306.086.000	506.086.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	245.655.440	496.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	7.675.149.897	176.302.708
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.5	46.159.802.095	48.635.879.644
141	1. Hàng tồn kho		46.159.802.095	48.635.879.644
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		30.679.341.111	34.606.767.967
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		30.301.781.355	34.070.770.747
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.6	377.559.756	535.997.220
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		95.490.880.374	95.371.529.091
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		9.828.570.300	8.810.266.300
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4b	9.828.570.300	8.810.266.300
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		74.305.082.415	73.947.857.365
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	71.329.342.106	70.972.117.056
222	- Nguyên giá		189.692.533.640	188.355.179.094
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(118.363.191.534)	(117.383.062.038)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	2.975.740.309	2.975.740.309
228	- Nguyên giá		8.675.785.909	8.675.785.909
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.700.045.600)	(5.700.045.600)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		243.088.356	-
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	243.088.356	-
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		11.114.139.303	12.613.405.426
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	11.114.139.303	12.613.405.426
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		193.436.922.704	205.333.148.408



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

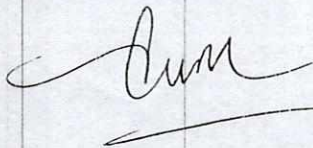
Địa chỉ: 53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

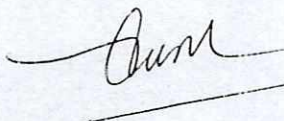
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm (ngày 31/12/2020)	Số đầu năm (ngày 01/01/2020)
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>84.516.494.497</b>	<b>96.657.574.469</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>84.516.494.497</b>	<b>96.657.574.469</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	434.601.600	117.229.300
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	610.000.000	
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.6	1.690.575.205	2.199.469.598
314	4. Phải trả người lao động	V.13	1.046.222.554	964.891.713
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	50.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	79.416.009.953	89.472.872.310
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.15	1.319.085.185	3.853.111.548
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>108.920.428.207</b>	<b>108.675.573.939</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>V.16</b>	<b>108.920.428.207</b>	<b>108.675.573.939</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		113.386.480.000	113.386.480.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		113.386.480.000	113.386.480.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4.466.051.793)	(4.710.906.061)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(4.710.906.061)	(4.756.476.939)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		244.854.268	45.570.878
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>193.436.922.704</b>	<b>205.333.148.408</b>

Người lập biểu



TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



LUƠNG VINH THÁI

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: 53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

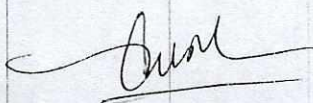
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

DIT VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019)
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	56.343.363.668	5.952.251.424
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.343.363.668	5.952.251.424
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	51.652.078.367	5.365.379.787
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.691.285.301	586.871.637
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	42.003.056	9.337.630
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	26.172	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	2.153.889.925	240.879.155
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	2.040.672.923	291.704.407
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		538.699.337	63.625.705
31	11. Thu nhập khác	VI.7	20.909.095	66.000
32	12. Chi phí khác	VI.8	236.408.984	5.382.486
40	13. Lợi nhuận khác		(215.499.889)	(5.316.486)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		323.199.448	58.309.219
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.6	78.345.180	12.738.341
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		244.854.268	45.570.878
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	22	4
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	22	4

Người lập biểu

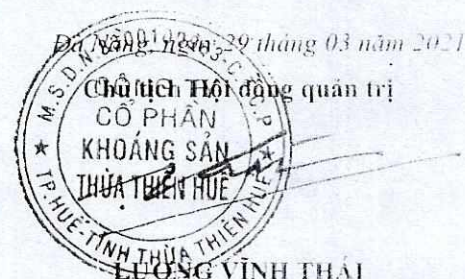


TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

Địa chỉ: 53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

ĐVT: VN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Từ ngày 18/11/20 đến ngày 31/12/201
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		62.787.700.100	6.010.383.93
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(24.557.696.520)	(2.720.553.38
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(10.670.242.658)	(896.488.49
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		990.032.775	217.80
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(39.671.905.587)	(423.382.48
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(11.122.111.890)</b>	<b>1.970.177,37</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.580.442.902)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		41.997.880	8.610,35
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.538.445.022)</b>	<b>8.610,35</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>		<b>(12.660.556.912)</b>	<b>1.978.787,73</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>25.540.582.998</b>	<b>23.561.870,55</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(18.299)	(73,28
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	V.1	<b>12.880.007.787</b>	<b>25.540.582,99</b>

Người lập biểu

TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG



# **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Thừa Thiên Huế, sau đây gọi tắt là "Công ty" được thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế từ ngày 18/11/2019. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300100963 ngày 28 tháng 11 năm 2005. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 04 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/11/2019.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là khai thác, chế biến khoáng sản.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác quặng Titan (ilmenite, zircon, monazite, rutile); khai thác các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp;
- Chế biến quặng Titan (ilmenite, zircon, monazite, rutile, xi titan); chế biến phụ gia cho vật liệu công nghiệp;
- Khai thác quặng sắt;
- Chế biến sắt, sắt hợp kim;
- Bán buôn quặng Titan (ilmenite, zircon, monazite, rutile, xi titan); bán buôn sắt thép, sắt hợp kim;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Cát tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Bán buôn các loại đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn thiết bị vật tư sản xuất công nghiệp;
- Bán buôn hàng tiêu dùng cho gia đình;
- Thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò; dịch vụ phân tích và thử nghiệm (VILAS 286);
- Bán buôn các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Công ty đã chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 18/11/2019, tuy nhiên đến thời điểm ngày 31/12/2020, Công ty chưa thực hiện quyết toán vốn giai đoạn Nhà nước theo quy định, vì vậy số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 có thể bị ảnh hưởng tùy thuộc vào việc quyết toán này.

Ngoài ra, không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

#### **6. Cấu trúc Công ty**

Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày 31/12/2020 Công ty có 171 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01/01/2020 là 171 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

##### **3. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

##### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty là các chi phí trả trước khác, căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Kỳ này</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 – 14
Máy móc và thiết bị	4 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 – 8
Thiết bị dụng cụ quản lý	7 – 8

#### 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **9. Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **10. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **12. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

#### **13. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

#### **14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **16. Báo cáo theo bộ phận**

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
- Tiền mặt tại quỹ		117.317.386		300.728.627
- Tiền gửi ngân hàng		12.762.690.401		25.239.854.371
+ VND		12.760.482.746		25.189.524.988
+ USD	96,32 #	2.207.655	2.178,25 #	50.329.383
<b>Cộng</b>		<b>12.880.007.787</b>		<b>25.540.582.998</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	306.086.000	506.086.000
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Tiên Đạt Thành	291.660.000	-
- Các đối tượng khác	14.426.000	506.086.000
<b>Cộng</b>	<b>306.086.000</b>	<b>506.086.000</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	245.655.440	496.000.000
- Viện Khoa Học Và Công Nghệ Mô - Luyện Kim	220.000.000	220.000.000
- Các đối tượng khác	25.655.440	276.000.000
<b>Cộng</b>	<b>245.655.440</b>	<b>496.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Phải thu khác****a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.675.149.897	-	176.302.708	-
- Phải thu nhân viên về BHXH	76.601.266	-	78.411.568	-
- Phải thu về cổ phần hóa	97.891.140	-	97.891.140	-
- Phải thu về phạt vi phạm hành chính, chậm nộp và truy thu thuế tài nguyên (*)	7.500.657.491	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.675.149.897</b>	<b>-</b>	<b>176.302.708</b>	<b>-</b>

(\*) Theo Quyết định số 7605/QĐ-CT ngày 22/12/2020 của Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế, Công ty bị truy thu thuế tài nguyên số tiền 4.633.598.322 đồng, phạt vi phạm hành chính số tiền 926.719.665 đồng, phạt chậm nộp số tiền 1.940.339.504 đồng trong giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2017 (giai đoạn Nhà nước trước cổ phần hóa). Công ty đã nộp đủ số tiền này vào Kho bạc Nhà nước, tuy nhiên do chưa thống nhất với phương pháp tính thuế theo thanh tra. Công ty đang treo lại ở chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán với tổng số tiền 7.500.657.491 đồng. Tính đúng đắn của khoản mục trên và sẽ điều chỉnh tùy thuộc vào quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và chờ quyết toán vốn giai đoạn Nhà nước của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	9.828.570.300	-	8.810.266.300	-
- Ký quỹ khắc phục môi trường (*)	9.731.824.300	-	8.713.520.300	-
- Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án (*)	96.746.000	-	96.746.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.828.570.300</b>	<b>-</b>	<b>8.810.266.300</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(\*) Chi tiết cầm cố, ký quỹ, ký cược tại ngày 31/12/2020 gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ký quỹ khắc phục môi trường</b>	<b>9.731.824.300</b>	<b>8.713.520.300</b>
Mỏ xã Diên Hải	1.348.020.000	1.348.020.000
Mỏ xã Phong Hải	450.000.000	450.000.000
Mỏ xã Quảng Lợi	835.411.000	835.411.000
Mỏ xã Phương Diên, Vinh Xuân	358.525.300	358.525.300
Mỏ Hương Thọ	295.528.000	269.631.000
Mỏ Hương Bình	384.731.000	193.491.000
Mỏ Quảng Công, Quảng Ngạn	5.042.387.000	4.241.220.000
Mỏ Phong Hải, Diên Hải - Diên Hòa	1.017.222.000	1.017.222.000
<b>Ký quỹ thực hiện dự án Mỏ Quảng Công, Quảng Ngạn</b>	<b>96.746.000</b>	<b>96.746.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>9.828.570.300</b>	<b>8.810.266.300</b>

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	25.168.576.399	-	25.183.419.382	-
Công cụ, dụng cụ	96.540.000	-	116.980.000	-
Chi phí SXKD dở dang	16.312.452.278	-	18.616.778.481	-
Thành phẩm	4.582.233.418	-	4.718.701.781	-
<b>Cộng</b>	<b>46.159.802.095</b>	<b>-</b>	<b>48.635.879.644</b>	<b>-</b>

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ.
- Không có hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản vay và nợ.

**6. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế xuất, nhập khẩu	-	80.092.284	80.092.284	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	455.668.716	78.345.180	-	-	377.323.536
Thuế thu nhập cá nhân	-	236.220	-	-	-	236.220
Thuế tài nguyên	1.833.786.398	-	9.550.277.724	10.028.358.117	1.355.706.005	-
Tiền thuê đất	-	-	744.682.384	744.682.384	-	-
Phí bảo vệ môi trường	365.683.200	-	1.383.536.000	1.414.350.000	334.869.200	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	2.823.422.002	2.823.422.002	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.199.469.598</b>	<b>535.997.220</b>	<b>14.660.355.574</b>	<b>15.010.812.503</b>	<b>1.690.575.205</b>	<b>377.559.756</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với đá xây dựng và khoáng sản titan là 10%. Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

**Các loại Thuế khác và Lệ phí**

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Năm nay (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)	Năm trước (Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	323.199.448	58.309.219
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	236.408.984	5.382.486
Điều chỉnh tăng	236.408.984	5.382.486
- Phạt vi phạm hành chính về thuế	213.823.703	5.382.486
- Các khoản chi phí không được trừ khác	22.585.281	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	559.608.432	63.691.705
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	111.921.686	12.738.341
Thuế TNDN được giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ	33.576.506	-
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	78.345.180	12.738.341
	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>78.345.180</b>	<b>12.738.341</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	59.174.728.614	122.714.975.348	4.705.234.055	1.760.241.077	188.355.179.094
Mua sắm trong kỳ	-	784.595.455	-	-	784.595.455
Đ/tư XDCB h/thành	-	552.759.091	-	-	552.759.091
<b>Số cuối năm</b>	<b>59.174.728.614</b>	<b>124.052.329.894</b>	<b>4.705.234.055</b>	<b>1.760.241.077</b>	<b>189.692.533.640</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	27.719.684.221	84.567.511.728	3.483.704.514	1.612.161.575	117.383.062.038
Khấu hao trong năm	8.813.640	634.542.344	306.751.397	30.022.115	980.129.496
<b>Số cuối năm</b>	<b>27.728.497.861</b>	<b>85.202.054.072</b>	<b>3.790.455.911</b>	<b>1.642.183.690</b>	<b>118.363.191.534</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	31.455.044.393	38.147.463.620	1.221.529.541	148.079.502	70.972.117.056
<b>Số cuối năm</b>	<b>31.446.230.753</b>	<b>38.850.275.822</b>	<b>914.778.144</b>	<b>118.057.387</b>	<b>71.329.342.106</b>

- Công ty không có TSCĐ hữu hình dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 65.979.457.660 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình hư hỏng, không sử dụng được chờ thanh lý bán tại ngày 31/12/2020 là 3.510.424.892 đồng, chi tiết:

Tài sản cố định	Mã TS	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại tại 31/12/2020
<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>L02</b>	<b>2.764.454.728</b>	<b>2.764.454.728</b>	-
Xe xúc lật komatsu 530	44	349.285.714	349.285.714	-
Xe ủi Komatsu D 21	49	134.286.000	134.286.000	-
Xe ủi bánh xích komatsu D50P-15	57	199.398.190	199.398.190	-
Xe xúc lật XCMG - China	62	363.809.523	363.809.523	-
Băng tải bốc quặng	71	60.730.000	60.730.000	-
Xe xúc lật Furukawa	134	138.159.000	138.159.000	-
Xe xúc lật Komatsu JH65CV-2	135	248.810.000	248.810.000	-
Xe xúc đào Sumitomo-S280F2	142	377.619.048	377.619.048	-
Xe ủi bánh xích Komatsu D50p-16	147	200.661.904	200.661.904	-
Xe xúc lật Komatsu 515-2	174	213.657.143	213.657.143	-
Xe xúc lật Liugong Trung Quốc - chiếc thứ 3	182	365.714.571	365.714.571	-
Máy đào bánh xích Yamar YB 1514	261	112.323.635	112.323.635	-
<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>L03</b>	<b>745.970.164</b>	<b>745.970.164</b>	-
Xe ô tô ForRanger	168	418.972.900	418.972.900	-
Xe tải Hyundai	170	241.505.000	241.505.000	-
Máy photo hiệu ricoh	161	46.816.364	46.816.364	-
Máy điều hoà nhà ăn ca	186	38.675.900	38.675.900	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.510.424.892</b>	<b>3.510.424.892</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Công nghệ sản xuất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	939.240.000	7.736.545.909	8.675.785.909
Tăng trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>939.240.000</b>	<b>7.736.545.909</b>	<b>8.675.785.909</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	939.240.000	4.760.805.600	5.700.045.600
Khấu hao trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>939.240.000</b>	<b>4.760.805.600</b>	<b>5.700.045.600</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	2.975.740.309	2.975.740.309
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>2.975.740.309</b>	<b>2.975.740.309</b>

- Một số chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng..... phát sinh tại nhà máy xi titan Công ty không trích khấu hao tài sản cố định do ngừng sản xuất kinh doanh, giá trị hao mòn cần phải trích trong năm 2020 là 34.027.208 đồng, giá trị hao mòn lũy kế cần phải trích từ ngày 18/11/2019 (chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2020 là 38.091.569 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 939.240.000 đồng.

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	-	<b>784.595.455</b>	<b>784.595.455</b>	-
- Mua sắm xe máy bánh xích	-	784.595.455	784.595.455	-
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	-	<b>795.847.447</b>	<b>552.759.091</b>	<b>243.088.356</b>
- Trạm biến áp và đường dây 220KV Quảng Ngạn 2	-	552.759.091	552.759.091	-
- Hệ thống 06 băng tải dây chuyền sản xuất đá	-	243.088.356	-	243.088.356
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.580.442.902</b>	<b>1.337.354.546</b>	<b>243.088.356</b>

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí đầu tư ban đầu mỏ Quảng Công, Quảng Ngạn	9.930.500.225	11.171.812.753
- Chi phí cấp quyền khai thác mỏ đá Ba Trại Hương Bình năm 2018, 2019	819.556.585	956.149.349
- Chi phí san ủi bốc đất phủ mỏ đá Hương Thọ	364.082.493	485.443.324
<b>Cộng</b>	<b>11.114.139.303</b>	<b>12.613.405.426</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sản xuất bốc đất phủ má đá Hương Thọ không hình thành tài sản cố định, Công ty theo dõi ở mục Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ theo thời gian của giấy phép khai thác mỏ.

**Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:**

	Năm nay (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)	Năm trước (Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019)
Số dư đầu kỳ	12.613.405.426	12.800.813.691
Tăng trong kỳ	-	-
Phân bổ trong kỳ	1.499.266.123	187.408.265
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>11.114.139.303</b>	<b>12.613.405.426</b>
<b>11. Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	434.601.600	117.229.300
- Ông Nguyễn Hùng	229.965.000	-
- Công ty Xăng Dầu Thừa Thiên Huế	117.600.600	117.229.300
- Trung Tâm Quan Trắc Tài Nguyên Và Môi Trường	45.358.000	-
- Các đối tượng phải trả khác	41.678.000	-
<b>Cộng</b>	<b>434.601.600</b>	<b>117.229.300</b>
<b>12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	610.000.000	-
- Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Quảng Trị	610.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>610.000.000</b>	-
<b>13. Phải trả người lao động</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	1.046.222.554	964.891.713
Tiền thưởng phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.046.222.554</b>	<b>964.891.713</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	79.416.009.953	89.472.872.310
- Kinh phí công đoàn	18.105.797	74.968.154
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	79.397.904.156	89.397.904.156
<b>Cộng</b>	<b>79.416.009.953</b>	<b>89.472.872.310</b>

(\*) Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty còn nợ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp số tiền: 79.397.904.156 đồng. Hiện nay, do chưa có thông báo về việc thu hồi nợ gốc và lãi nên Công ty chưa phản ánh số tiền lãi chậm trả vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Theo đó, số dư phải trả Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp có thể thay đổi khi có văn bản thu hồi nợ gốc và lãi suất chính thức của Nhà nước cũng như quyết toán vốn giai đoạn Nhà nước.

**15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	3.587.622.409		2.356.940.000	1.230.682.409
Quỹ phúc lợi	265.489.139	-	177.086.363	88.402.776
<b>Cộng</b>	<b>3.853.111.548</b>	<b>-</b>	<b>2.534.026.363</b>	<b>1.319.085.185</b>

**16. Vốn chủ sở hữu****16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 18/11/2019	113.386.480.000	(4.756.476.939)	108.630.003.061
Lợi nhuận trong năm	-	45.570.878	45.570.878
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>113.386.480.000</b>	<b>(4.710.906.061)</b>	<b>108.675.573.939</b>
Số dư tại 01/01/2020	113.386.480.000	(4.710.906.061)	108.675.573.939
Lợi nhuận trong năm	-	244.854.268	244.854.268
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>113.386.480.000</b>	<b>(4.466.051.793)</b>	<b>108.920.428.207</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)	Năm trước (Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.343.363.668	5.952.251.424
Doanh thu bán thành phẩm titan, quặng titan	56.343.363.668	5.952.251.424
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>56.343.363.668</b>	<b>5.952.251.424</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)	Năm trước (Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019)
Giá vốn thành phẩm titan, quặng titan	51.652.078.367	5.365.379.787
<b>Cộng</b>	<b>51.652.078.367</b>	<b>5.365.379.787</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)	Năm trước (Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	41.997.880	8.610.355
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	5.176	727.275
<b>Cộng</b>	<b>42.003.056</b>	<b>9.337.630</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)	Năm trước (Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019)
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	7.873	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	18.299	-
<b>Cộng</b>	<b>26.172</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy Ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	99,27%	112.563.880.000	112.563.880.000
Các cổ đông khác	0,73%	822.600.000	822.600.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>113.386.480.000</b>	<b>113.386.480.000</b>

**16c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)	Năm trước (Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	113.386.480.000	113.386.480.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	113.386.480.000	113.386.480.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**16d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.338.648	11.338.648
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.338.648	11.338.648
- Cổ phiếu thường	11.338.648	11.338.648
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.338.648	11.338.648
- Cổ phiếu thường	11.338.648	11.338.648
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**16e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	(4.710.906.061)	(4.756.476.939)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm này	244.854.268	45.570.878
Phân phối lợi nhuận	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>(4.466.051.793)</b>	<b>(4.710.906.061)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)	Năm trước (Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.130.429.926	-
Chi phí khác bằng tiền	23.459.999	240.879.155
<b>Cộng</b>	<b>2.153.889.925</b>	<b>240.879.155</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)	Năm trước (Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019)
Chi phí nhân viên quản lý	1.437.093.593	246.310.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.677.273	-
Chi phí bằng tiền khác	580.902.057	45.394.063
<b>Cộng</b>	<b>2.040.672.923</b>	<b>291.704.407</b>

**7. Thu nhập khác**

	Năm nay (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)	Năm trước (Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019)
Chi phí đấu thầu chuyển đổi cổ phần hóa được trả lại	20.909.091	-
Các khoản thu nhập khác	4	66.000
<b>Cộng</b>	<b>20.909.095</b>	<b>66.000</b>

**8. Chi phí khác**

	Năm nay (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)	Năm trước (Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019)
Phạt vi phạm hành chính và truy thu thuế	213.823.703	5.382.486
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	22.585.281	-
<b>Cộng</b>	<b>236.408.984</b>	<b>5.382.486</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)	Năm trước (Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	244.854.268	45.570.878
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	(2.278.544)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.278.544)
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	244.854.268	43.292.334
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	11.338.648	11.338.648
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)</b>	<b>22</b>	<b>4</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)	Năm trước (Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.338.648	11.338.648
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>11.338.648</b>	<b>11.338.648</b>

**10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)	Năm trước (Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	244.854.268	43.292.334
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	244.854.268	43.292.334
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	11.338.648	11.338.648
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>22</b>	<b>4</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay (Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020)	Năm trước (Từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.913.873.039	484.243.520
Chi phí nhân công	14.891.456.044	1.754.064.362
Chi phí khấu hao tài sản cố định	980.129.496	214.050.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.203.885.575	263.360.560
Chi phí khác bằng tiền	17.416.502.495	3.029.528.999

Cộng

**HUNG THỊ PHƯƠNG SAO DUNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 637 Nguyễn số n - SCT/BS

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Báo cáo bộ phận**

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là khai thác, chế biến khoáng sản.

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Việt Nam.

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu đầu năm và số liệu năm trước là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Số liệu năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ kế toán từ ngày 18/11/2019 đến ngày 31/12/2019 (2 tháng), còn năm nay là từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 (12 tháng), chỉ có tính chất tham khảo, không thể so sánh được vì có sự khác biệt về thời gian so sánh.

**3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG

Người lập biểu

TRẦN THỊ PHƯƠNG DUNG

Kế toán trưởng

LƯƠNG VINH THÁI

Chủ tịch hội đồng quản trị